

NHẬN THỨC LẠI THÁI ĐỘ THẨM MĨ CỦA NGUYỄN TRÃI TRONG “QUỐC ÂM THI TẬP”

Nguyễn Phạm Hùng (*)

Năm 1980, nhân kỷ niệm 600 năm sinh Nguyễn Trãi, và cũng nhân dịp UNESCO công nhận Nguyễn Trãi là Danh nhân văn hoá thế giới, đã xuất hiện một số bài viết quan trọng, đề cập tới nhiều khía cạnh khác nhau của tập thơ Nôm nổi tiếng *Quốc âm thi tập*, từ ngôn ngữ tới thể thơ, từ đề tài đến chủ đề tư tưởng của tác phẩm. Cho đến nay, những bài viết này vẫn có giá trị giúp cho người đọc hiểu thêm về tập thơ của Nguyễn Trãi, bởi chúng có nhiều ý hay và hấp dẫn, nhiều phát hiện mới. Tuy nhiên, theo chúng tôi, một số nhận định trong một số bài viết đã khiến cho người đọc hiểu chưa thật đúng về thái độ thẩm mỹ của Nguyễn Trãi trong tác phẩm. Đơn cử như đề tài thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi vốn là nơi giải bày bao nỗi đắng cay hay uẩn khúc trong tình cảm, trong tâm hồn của Nguyễn Trãi đối với nhân thế, nơi chứa đựng biết bao điều sâu xa có tính tư tưởng của cả một thời đại, lại chỉ được chú trọng khai thác ở khía cạnh “lòng yêu thiên nhiên tạo vật là một kích thước để đo một tâm hồn” [7, tr.244]. Theo dõi các dẫn giải của bài viết này, người đọc chủ yếu được tiếp xúc với con người “công dân” Nguyễn Trãi “lo nước yêu dân”, “ưu ái và tâm huyết”, “một bản lĩnh phong phú vào bậc nhất”, “là người khí phách”, “giản dị trong trẻo, cốt và hồn thanh tú”, có “những câu thơ

tâm huyết chí khí”, “yêu người, yêu dân, yêu nước”, “yêu đời một cách thấm thiết”... Cuối cùng, bài viết đã trình bày một nhận định khái quát về con người Nguyễn Trãi trong thơ Nôm như sau: “Thơ của Nguyễn Trãi là tâm hồn của Nguyễn Trãi, trong sáng và đầy sức sống. Có người nói thơ của Nguyễn Trãi buồn, vì cảnh đời của Nguyễn Trãi buồn. Thơ của Nguyễn Trãi có bài buồn, có câu buồn, vì lẽ gì chúng ta đều biết, nhưng cả tập thơ của Nguyễn Trãi là thơ của một người yêu đời, yêu người, tâm hồn Nguyễn Trãi sống một nhịp với non sông đất nước tươi vui” [7, tr.273].

Không ít công trình nghiên cứu về *Quốc âm thi tập* nằm trong mạch cảm hứng này. Chúng tôi cho rằng cảm hứng nghiên cứu này đã giúp cho nhiều người mới thấy được phần con người “công dân” Nguyễn Trãi, chứ chưa thấy được hết con người “cá nhân” của ông, mà con người “cá nhân” mới là đối tượng phản ánh chính của tập thơ. Thái độ, tình cảm và tâm trạng của Nguyễn Trãi đối với cuộc sống và con người lúc bấy giờ được biểu hiện một cách nghệ thuật trong tập thơ này dường như đa dạng và phức tạp hơn nhiều chứ không mạch lạc và đơn giản như cách đánh giá đó. Có lẽ những ai đã đọc *Quốc âm thi tập* một cách cẩn thận đều khó có thể đồng ý với nhận định rằng “cả tập thơ của Nguyễn Trãi là thơ

(*) PGS.TS., Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN.

của một người yêu đời, yêu người, tâm hồn Nguyễn Trãi sống một nhịp với non sông đất nước tươi vui"? Một số nhà nghiên cứu cũng đã gián tiếp bày tỏ thái độ không tán đồng ý kiến đánh giá đó, khi đề cập tới những nỗi cô đơn và buồn đau triền miên của Nguyễn Trãi được thể hiện trong tập thơ ⁽¹⁾. Trong bài viết này, chúng tôi xin được góp phần làm rõ vấn đề quan trọng nêu trên.

Trong *Quốc âm thi tập*, chúng ta thấy Nguyễn Trãi nói về lòng trung quân ái quốc, về bốn phận và trách nhiệm của một người công dân đối với chế độ và triều đình với lòng tự tin và đầy nhiệt huyết:

Bui một tác lòng ưu ái cũ,
Đêm ngày cuộn cuộn nước triều đông.
(Bài 50) ⁽²⁾

Bui có một lòng trung liễn hiếu,
Mài chẳng khuyết, nhuộm chẳng đen.
(Bài 69)

Văn chương chép lấy, đòi câu thánh,
Sự nghiệp tua gìn, phải đạo trung.
Trừ độc, trừ tham, trừ bạo ngược,
Có nhân, có trí, có anh hùng.
Nhìn cho biết nơi đường ấy,
Chẳng thấp thì cao ắt được dùng.
(Bài 132)

Đao bút phải dùng tài đã vẹn,
Chỉ thư nấy chép việc càng chuyên.
Vệ Nam mãi mãi ra tay thước,
Điện Bắc đà đà yên phận tiên.

(Bài 183)

Nguyễn Trãi nói về niềm khao khát một triều đại tốt đẹp, một xã hội phong kiến lý tưởng với những vần thơ đầy lạc quan:

Vua Nghiêu Thuấn, dân Nghiêu Thuấn
Dường ấy ta đà phỉ thừa nguyên.
(Bài 74)

Lẽ có Ngu cầm đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi phương.
(Bài 170)

Đất thiên tử dưỡng tôi thiên tử,
Đòi thái bình ca khúc thái bình.

...

Rày mừng thiên hạ hai của:
Tể tướng hiền tài, chúa thánh minh.
(Bài 65)

Nguyễn Trãi ca tụng và tự ca tụng phẩm chất và khí tiết của mình với những dòng thơ khá "tươi vui":

Càng thuở già, càng cốt cách,
Một phen giá, một tinh thần.
Người cười rằng kém tài lương đồng,
Thửa việc điều canh bội mấy phần.
(Bài 214)

Lầm như chẳng bén, tốt hoà thanh,
Quân tử kham khuôn được thừa danh.
Gió đưa hương, đêm nguyệt tĩnh,
Trình làm của, có ai tranh.
(Bài 243)

Trong thơ Nguyễn Trãi cũng có cả những dòng "tươi vui" về một cảnh sống

⁽¹⁾ Xin xem các bài viết của: Trương Chính, "Úc Trai thi tập", những vần thơ chất nặng suy tư; Nguyễn Huệ Chi, Niềm thao thức lớn trong thơ Nguyễn Trãi; Hoài Thanh, Một vài nét về con người Nguyễn Trãi qua thơ Nôm; Trần Đình Sử, Con người cá nhân trong thơ Nôm Nguyễn Trãi; Nguyễn Hữu Sơn: Về con người cá nhân trong thơ Nguyễn Trãi... In trong: "Nguyễn Trãi, về tác gia và tác phẩm", NXB Giáo dục, H., 1999.

⁽²⁾ Các trích dẫn thơ Nôm Nguyễn Trãi trong bài này đều theo *Nguyễn Trãi toàn tập*, Đào Duy Anh, Trần Văn Giáp, Văn Tân dịch, phiên âm, chú giải, NXB Khoa học xã hội, H. 1976.

nơi thôn dã của những người dân lao động gần gũi với cảnh lánh đời của ông:

Lao xao chợ cá làng ngư phủ

Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương

(Bài 170)

Nếu chỉ căn cứ vào những vần thơ phần chấn, tươi vui như vừa trích dẫn ở trên, thì chúng ta đều dễ dàng thừa nhận rằng “cả tập thơ của Nguyễn Trãi là thơ của một người yêu đời, yêu người, tâm hồn Nguyễn Trãi sống một nhịp với non sông đất nước tươi vui”. Nhưng tiếc rằng, trong Quốc âm thi tập, những vần thơ tin tưởng, lạc quan, phần chấn, “tươi vui” đó không nhiều. Đúng hơn, chúng chỉ chiếm một phần thiểu số. Hơn nữa, chúng lại thường chỉ được viết ra sau khi Nguyễn Trãi rơi vào những hoàn cảnh hết sức éo le, những tình cảnh chẳng ra gì mà cuộc đời ông phải gánh chịu. Đặt chúng trong hoàn cảnh của cuộc đời Nguyễn Trãi lúc bấy giờ, chúng dường như chỉ là những điều *mơ ước* nhiều hơn là *hiện thực*. Những câu thơ rất tiêu biểu cho lòng trung quân, cho việc ngợi ca chế độ đương thời của Nguyễn Trãi nhiều khi chỉ là những câu thơ kết của những bài thơ buồn. Những câu thơ tươi vui, lạc quan về một triều đại tốt đẹp nhiều khi chỉ là những giấc mơ của Nguyễn Trãi trước một thực tế phũ phàng.

Quốc âm thi tập là một tập thơ có tính nhật ký, một tập thơ riêng, nói cho riêng mình, cho nên ta thấy ở đó nhà thơ khá tự do, cởi mở, thậm chí có phần suồng sã khi bộc lộ những cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng, thái độ của mình đối với cuộc sống, với con người và với chính bản thân mình mà không hề e ngại, giữ gìn. Những điều Nguyễn Trãi trình bày trong

thơ là hết sức chân thành, hết sức hiện thực, giúp cho người đọc không chỉ hiểu *tâm hồn* Nguyễn Trãi hơn, mà còn hiểu *cuộc đời và con người* lúc bấy giờ hơn. Đọc *Quốc âm thi tập*, chúng ta thấy tâm hồn “trong sáng và đầy sức sống” của Nguyễn Trãi không phải lúc nào cũng bình yên, Nguyễn Trãi không phải lúc nào cũng “yêu đời, yêu người”, và “non sông đất nước” xung quanh ông không phải lúc nào cũng là “non sông đất nước tươi vui”. Phần quan trọng nhất của *Quốc âm thi tập* cho ta thấy tâm hồn Nguyễn Trãi luôn trăn trở, dằn vặt, giằng xé trước cuộc đời. Xuân Diệu có nói lên cái cảm giác dường như Nguyễn Trãi đã không ngủ yên trong mấy chục năm của cuộc đời ông, cũng như mấy trăm năm qua cùng lịch sử dân tộc. Một nhà nghiên cứu khác đã nhận định, trong thơ ông có một “niềm thao thức lớn” [2] luôn thường trực, với bao lo toan dằn vặt khiến cho “tóc hai phần bạc bởi thương thu”, “tóc nên bạc bởi lòng ưu ái”...

Một “non sông đất nước tươi vui” sao lại khiến cho ông buồn đau như thế? “Một người yêu đời, yêu người” sao lại phải luôn cảnh giác và xa lánh con người như thế? Càng đọc, chúng ta càng thấy Nguyễn Trãi hết sức cô đơn. Ông cô đơn không phải vì ông “cô cao ngạo thế”, mà vì ông vừa như bị đẩy ra khỏi cuộc đời “tươi vui” đó, lại vừa như không thể nhập cuộc được với cuộc đời “tươi vui” đó. *Quốc âm thi tập* cho chúng ta thấy rõ hơn một hiện thực đau buồn, tăm tối của một xã hội, một chế độ với khá nhiều bất trắc, bất an đối với con người như Nguyễn Trãi. Người ta chỉ “yêu đời, yêu người” khi mà người ta thấy cuộc đời tươi đẹp và con người tốt đẹp, chỉ khi mà

người ta được chan hòa với cuộc đời, với con người, với “non sông đất nước tươi vui”. Nhưng điều đó chúng ta hầu như không thấy trong *Quốc âm thi tập*. Mà chúng ta chỉ thấy Nguyễn Trãi nói về một cuộc đời khác, về những con người khác.

Cuộc đời dường như quay lưng lại với ông. Đường công danh, sự nghiệp không hề đẹp đẽ, mà nó cực kỳ quanh co, hiểm hóc, khiến ông không đủ sức theo đuổi:

Đã biết cửa quyền nhiều hiểm hóc,
Cho hay đường lợi cực quanh co.
(*Bài 20*)

Sơn thủy nhàn chơi phận khó khăn,
Cửa quyền hiểm hóc ngại chon chẩn.
(*Bài 27*)

Chúng ta biết rằng, sau khi cuộc kháng chiến chống quân Minh thắng lợi, sau khi vương triều Lê được thiết lập, xã hội có những biến chuyển rất quan trọng. Sau khi cùng nhau “nếm mật nằm gai”, cùng nhau “hoà nước sông chén rượu ngọt ngào” để chiến thắng ngoại xâm, những người chiến thắng bắt đầu bộc lộ dần bản chất của mình, bắt đầu phân hoá và tha hoá, bắt đầu tranh giành quyền bính và tư lợi. Trong bối cảnh đó, vai trò của Nguyễn Trãi ngày một mờ nhạt, chức tước của ông có khi chỉ còn là hư danh, thậm chí có khi ông bị dèm pha, bị đố kỵ, ganh ghét. Nhiều đề nghị cải cách của ông không được vua tin dùng. Công danh sự nghiệp của ông nhiều khi khá mờ mịt. Thậm chí, có lúc cuộc sống của ông cũng không được an toàn⁽³⁾. Chính vì thế, ông đành phải từ

(3) Trần Đình Hượu rất chú ý đến “nỗi lo lắng gặp hoạn nạn” của Nguyễn Trãi thời kỳ này (Xem Nguyễn Trãi và Nho giáo, In trong: *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, NXB Văn hoá thông tin, H. 1995, tr. 91)

quan, lui về ở ẩn. Dù đã trở về mà ông vẫn còn cảm thấy ghê sợ cái chốn “hữu tình” ấy. Ông viết:

Non nước còn ghê chốn hữu tình.
(*Bài 78*)

Công danh lỗ đường vô sự,
Non nước ghê chốn hữu tình.
(*Bài 86*)

Nguyễn Trãi đâu phải là người có thể dễ dàng buông xuôi, dễ dàng cam chịu, dễ dàng khuất phục trước hoàn cảnh. Ông đã vượt bao gian khó hiểm nguy để giúp Lê Lợi dựng nghiệp. Nhưng khi sự nghiệp thành công, khi phải đối diện với thế thái nhân tình bạc bẽo, lòng người tráo trở đổi trắng thay đen, ông đã không đủ sức để chống đỡ. Có hiểu đúng cuộc sống phức tạp và nhiễu nhương lúc đó, có hiểu được hoàn cảnh sống của Nguyễn Trãi lúc đó, chúng ta mới có thể chia sẻ với nỗi đau đớn của Nguyễn Trãi khi ông viết về mình và về cuộc đời với những dòng thơ không chỉ còn là buồn nữa, mà chua chát, cay đắng:

Chông gai nhẹ đường danh lợi,
Mặn lạt no mùi thế tình.
(*Bài 80*)

Xét sự đà qua hay sự đến,
Bao nhiêu nơi nhục bởi nơi vinh.
(*Bài 96*)

Bể hiểm nhân gian ai kẻ biết,
Ghê thay thế nước vị qua mê.
(*Bài 115*)

Ai thấy rằng cười là thế thái,
Ghê thế biến bạc làm đen.
(*Bài 124*)

Thấy bề triêu quan đà ngại vượt,
Trong dòng phẳng có phong ba.

(Bài 168)

Với Nguyễn Trãi, *cuộc đời* dường như được chia làm hai phần, phần hữu tình và phần vô tình, tương ứng với nó là hai thế giới, thế giới con người và thế giới tự nhiên. Sau bao trải nghiệm đủ cả đắng cay ngọt bùi, ông mới ngộ ra rằng, cái phần tưởng dễ hiểu nhất, dễ hòa đồng nhất, dễ sẻ chia thông cảm đùm bọc nhau nhất, là thế giới con người, là chốn hữu tình, thì lại là khó hiểu nhất, xa lạ nhất, vô cảm nhất, lạnh lẽo nhất và ác hiểm nhất; còn cái phần tưởng chừng như khó hiểu nhất, xa lạ nhất, vô cảm vô tình nhất là thế giới tự nhiên, mà sao lại gần gũi, thân thiết, dễ hiểu, ấm áp và có tình nhất. Có hiểu được hoàn cảnh và tâm trạng của Nguyễn Trãi trong những ngày tháng khó ngặt này thì chúng ta mới có thể lý giải vì sao nhiều khi Nguyễn Trãi lại có những lời thơ cay đắng và quyết liệt đến cực đoan như thế về *cuộc đời*, vì sao mà Nguyễn Trãi phải dằn lòng nhẫn nhịn để tự nguyện "*khó ngặt qua ngày xin sống*" như thế.

Cuộc đời với ông là đầy rẫy những cạm bẫy và nguy hiểm, còn *con người* thì sao? Theo ông, hay như ông cảm nhận, *con người* là "*cực hiểm thay*". Ông viết:

Ngoài chung mọi chốn đều thông hết
Bui một lòng người cực hiểm thay.

(Bài 26)

Cả thế giới bên ngoài của tự nhiên, không có chốn nào mà ông không thông hiểu, chỉ có lòng người là không thể hiểu nổi. Điệp khúc này còn lặp đi lặp lại mãi trong thơ ông như một nỗi trăn trở, day dứt:

Dễ hay ruột bề sâu cạn,
Khôn biết lòng người vấn dài.

(Bài 6)

Miệng thế nhọn hơn chông mác nhọn,
Lòng người quanh nửa nước non quanh.

(Bài 136)

Vậy "non sông đất nước" xung quanh ông như thế nào? ở đây chúng tôi không muốn nói tới một "hiện thực lịch sử khách quan", mà muốn nói tới một "hiện thực lịch sử" qua cảm nhận chủ quan của nhà thơ. Rõ ràng đó không phải là "non sông đất nước tươi vui" mà là một *non sông đất nước tằm tối và buồn thảm*. Nó tằm tối và buồn thảm, thậm chí nguy hiểm nên ông mới phải từ bỏ nó mà đi ở ẩn. Vì thế mà ông mới xa lánh cuộc đời để tìm về với thiên nhiên. Nhưng cái mặc cảm nặng nề đối với cuộc đời đen bạc đã khiến cho thiên nhiên của ông cũng kém phần tươi sáng. Cho nên phần lớn hình ảnh thiên nhiên đất nước trong thơ ông là những hình ảnh cô quạnh, lạnh lẽo và buồn. Đó là núi cô đơn, mây lặng lẽ, nguyệt một vầng, là trúc ỏ, là bến sông vắng, mảnh vườn hoang... Hoàn toàn đó chỉ là những cảnh sắc non nước hết sức vắng vẻ và cô độc, với "núi lảng giềng, chim bầu bạn; mây khách khứa, nguyệt anh tam", là cảnh "ta cùng bóng liễn nguyệt ba người", "cò nằm hạc lặn nên bầu bạn; u ấp cùng ta làm cái con", hay "mây quen nguyệt khách vô tình"...

Thiên nhiên là bạn của ông, là tri kỷ của ông. Ông xa lánh con người và cuộc đời để gần gũi với thiên nhiên, vì như ông đã nói, ông sợ thói đời ấm lạnh và lòng người nham hiểm. Non sông đất nước ấy là người bạn thân thiết nhưng cũng buồn bã và cô độc như ông. Nhìn

thiên nhiên ấy mà ta thấy được lòng ông. Ông nói về những cây tùng cúc trúc mai thường lạnh lùng, khô khan, nhưng khi viết về cảnh mùa hè, về gió trúc, trăng thanh, chè tiên, nước ghín... thì cực kỳ sinh động, hấp dẫn, và đầy tình cảm. Càng hấp dẫn và tình cảm với thế giới vô tri bao nhiêu thì ông càng lạnh lẽo, vô cảm với thế giới con người bấy nhiêu.

Vậy cảm hứng nghệ thuật thật sự của ông về non sông đất nước là gì? Về nơi "Miệng thế nhọn hơn chông mác nhọn; Lòng người quanh nũa nước non quanh"? Về chốn "mây khách khứa, nguyệt anh tam"? "Non sông đất nước tươi đẹp" nhất trong thơ ông là cảnh trí nơi ẩn dật, xa lìa cuộc sống đua chen danh lợi, xa lìa triều quan, xa lìa nhân thế, xa lìa chốn "hữu tình". Đó là chốn "vô tình". Trong thế giới "tươi đẹp" ấy, chỉ có hai hình ảnh đơn côi: Nguyễn Trãi và thiên nhiên. Họ nương tựa vào nhau, tìm niềm cảm thông, tìm nơi bày tỏ, tìm hơi ấm của nhau. Nguyễn Trãi làm ấm trái tim mình bằng thiên nhiên lạnh lẽo. Ta thấy Nguyễn Trãi cố nói thật to, cố làm cho thật vui⁽⁴⁾, cố khuấy động cả thiên nhiên đất nước lên, nhưng ta không sao thấy được *cuộc đời* đó "tươi vui". Dù có tràn đầy âm thanh, màu sắc, đường nét... "non sông đất nước" trong thơ của Nguyễn Trãi về cơ bản vẫn rất cô độc và lặng lẽ, buồn bã và đơn côi.

⁽⁴⁾ Xuân Diệu có phần "vô duyên" khi bình phẩm về hiện tượng này: "Trong thơ của mình, Nguyễn Trãi nhiều khi mỉm cười rất có duyên; mà con người ta, khi hãy còn mỉm cười, là hãy còn yêu đời một cách thẩm thiết. Trong cảnh lui về ẩn dật ở giữa núi cây mây suối, Nguyễn Trãi viết bài thơ (số 95) nói đùa: Xin cho tôi "công tác" với các bộ quản lý giang san ấy" (Bđd, tr. 246)

Quốc âm thi tập thể hiện rất rõ nhu cầu tự bạch, tự bày giải, thanh minh, mong được thấu hiểu, mong được công hiến của tác giả. Để thấy được tâm trạng nhà thơ, hay nội dung các bài thơ, chúng ta cần đặc biệt chú ý đến tính chất đối thoại của các bài thơ đó. Mỗi bài thơ được xem như là một lời đối thoại. Hay đối thoại ngầm. Đó có thể là một lời độc thoại nội tâm - một lời đối thoại với chính mình, hay một lời đối thoại với một nhân vật vô hình nào đó (như với người đời, với thế nhân, hay với nhà vua mà ông lúc nào cũng đau đầu ngóng trông). Nhu cầu lớn nhất trong những lời đối thoại ấy là mong được sẻ chia, được thông cảm, được thấu hiểu, được trọng dụng. Ta mới thấy Nguyễn Trãi khao khát tham chính biết chừng nào.

Thơ Nôm Nguyễn Trãi thể hiện sự xung đột giữa cái hiện thực với cái mong muốn, giữa cái phải chấp nhận với cái đáng được thực hiện, qua đó nhằm khẳng định cái mà tác giả mong muốn hướng tới và phủ nhận cái hiện tại mà tác giả đang phải gánh chịu.

Quốc âm thi tập, đứng ở một góc độ nhất định, là tập thơ tự động viên, tự an ủi của tác giả để có thêm lòng tin và sức mạnh, mong vượt qua được những tháng ngày khó khăn. Nhưng điều quan trọng là qua những lời tự động viên ấy, chúng ta có thể hiểu được hoàn cảnh mà Nguyễn Trãi phải trải qua. Mỗi lời tự động viên lại là một sự mách bảo nào đấy về một hoàn cảnh đen tối mà ông đang nếm trải, hay một cảnh ngộ thương tâm mà ông phải chấp nhận, chứ không phải là một hoàn cảnh sống tươi sáng mà ông đang thỏa mãn.

Khi về ở ẩn, ông ca tụng cảnh nhàn, nhưng không phải lúc nào ông cũng an tâm với cảnh sống này. Ông còn muốn tham chính, còn muốn cống hiến, nhưng không được. Vì vậy trong ông luôn có một sự dằn vặt, giằng co. Ông thường tự an ủi mình rằng cuộc sống thanh nhàn ấy thật là quý giá:

Một phút thanh nhàn trong thuở ấy,
Thiên kim ước đổi được hay chăng?

(Bài 16)

Nhưng nguyện vọng thật sự của ông đâu phải như thế. Nguyện vọng cháy bỏng của ông là được phụng sự, được cống hiến, được vì dân vì nước, và được thoả chí công danh. Về ở ẩn, đó chỉ là bất đắc dĩ. Ông không giấu giếm cái nguyện nhân thật sự của việc bất đắc dĩ phải trở về, ấy là tìm kiếm một sự an ổn, một sự vạn toàn:

Dưới công danh nhiều thác cả,
Trong ẩn dật có cơ mưu.

(Bài 159)

Trong cuộc sống đói nghèo, thiếu thốn ông cảm thấy đau khổ, cảm thấy bị tổn thương. Nhưng nghèo khó còn hơn no giàu mà phải hoà mình cùng với những kẻ “bất nhân, vô nghĩa”:

Cơm kẻ bất nhân, ăn, ấy chớ,
Áo người vô nghĩa, mặc, chẳng thà

(Bài 39)

Không phải vì ông không muốn làm quan, nhưng làm quan mà không còn nhân cách, mà phải khom lưng uốn gối thì ông quyết không làm:

Mắt hoà xanh, đầu dễ bạc,
Lưng khôn uốn, lộc nên từ

(Bài 36)

Chỉ có như thế ông mới giữ được phẩm chất, nhân cách của mình. Chỉ có như thế ông mới là một con người tốt đẹp. Nhưng có lẽ cái nguyên nhân quan trọng nhất để ông về ở ẩn mà ông thành thực nói trong *Quốc âm thi tập* không hẳn chỉ là để giữ vững khí tiết cao đẹp, mà còn rất đời thường, rất con người, đó là để được vạn toàn, để được sống dù chỉ là “khó ngọt qua ngày”. Dường như nguyên nhân ấy có vẻ tầm thường và tàn nhẫn, dường như nó không làm sang làm quý Nguyễn Trãi, nhưng đó lại là sự thật mà ông chứng kiến, như con cá chết bởi mỗi câu, con ruồi chết vì mật ngọt:

Thương cá thác vì câu uốn lưỡi,
Ngắm ruồi nào chết bát mồ hòn

(Bài 182)

Vì thế mà lúc nào ông cũng tự nhủ:
Làm người thì giữ đạo trung dung,
Khẩn khẩn dặn dò thừa lòng.

(Bài 127)

Xưa còn chép câu kinh đấy:
An phận thì chẳng nhục đến mình.

(Bài 166)

Nhẫn song thì vạn sự qua

(Bài 191)

Nguyễn Trãi hay nói về cái vô nghĩa, cái hư ảo của công danh, phú quý, địa vị, tiền tài... nhưng hoàn toàn không phải là xuất phát từ quan điểm đạo đức phong kiến như Nguyễn Bình Khiêm sau này, mà xuất phát từ *thái độ phản ứng lại thực tại*. Ông không hề coi thường công danh phú quý, nhưng vì công danh phú quý mà làm tổn hại đến nhân cách của ông, đến sự an toàn của ông, thì ông xem nó như một thứ phù vân. Cuộc đời có thua thiệt, thì ông tự an ủi là do số trời đất:

Mới biết doanh hư đã có số,
Ai từng cái được lòng trời.

(Bài 85)

Ông đành phó mặc cho ông trời: “Già mặc số trời đất” (Bài 182). Tuy nhiên, ta không thấy cái số trời đất ấy thế nào, mà chỉ thấy nguyên nhân từ lòng người ấm lạnh, từ thế thái nhân tình điên đảo, từ chính cái cuộc sống với những con người cụ thể đem lại bất hạnh cho ông. Dù thế nào thì chúng ta cũng biết Nguyễn Trãi không dễ dàng chấp nhận và buông xuôi như thế. Chính khi nói lên những điều ấy là khi lòng Nguyễn Trãi dần vật trần trở với nó và không hẳn đã chấp nhận nó. Nó như một mâu thuẫn, một xung đột nội tại trong lòng ông, khiến ông phải nói ra, phải bày giải để vợi bớt ản ức. Bởi vì ông là hoa sen trong bùn, là ngọc lành trên núi, là vàng thực trong lửa... mà phải chịu cảnh khốn cùng:

Thế sự dầu ai hay buộc bện,
Sen nào có bén trong lằm.

(Bài 70)

Ngọc lành nào có tư vết,
Vàng thực âu chi lửa thiêu.

(Bài 116)

Nguyễn Trãi có nhiều bài thơ tự răn giới mình, tự động viên mình, tự nhắc nhở mình phải lánh xa chốn triều quan đó, vì nó vô cùng nguy hiểm. Nhưng càng tự nhắc nhở bao nhiêu thì cũng là vì ông càng hay suy nghĩ về nó bấy nhiêu, vì nó luôn luôn thường trực trong lòng ông. Những vần thơ tự động viên, nhắc nhở này chứa chất rất nhiều mâu thuẫn. Cái mà lý trí của ông muốn gạt đi lại là cái mà tình cảm của ông mong hướng tới.

Có người cho rằng Nguyễn Trãi cao quý quá, trong sáng quá, nên ông dùng những lời đó để cảnh tỉnh động viên người đời. Nguyễn Trãi đứng ngoài hay đứng trên những điều cần phải giáo huấn, răn giới, nhắc nhở ấy. Thực ra không phải. Ông đứng trong sự răn giới ấy. Những bài thơ “bảo kính cảnh giới” (gương báu răn mình) trước hết là để dành cho ông. Ông cũng chỉ là một con người bình thường, bị xô đẩy vào những hoàn cảnh khắc nghiệt, ông cũng phải gồng mình lên để mà sống, để mà vượt qua, với tất cả những gì cụ thể bình thường nhất.

Ông ca tụng cảnh sống nhàn nhã, nhưng lòng ông không nhàn. Thơ ông không che giấu được nỗi day dứt muốn được tham chính của ông. Ông ca ngợi thanh cao nơi thôn dã nhưng ta thấy ánh mắt của Nguyễn Trãi mỗi vọng chốn kinh thành. Ngay trong một bài thơ, ở một số bài thôi, tuy nói về cái thanh cao và sung sướng nơi ản dật, nhưng ở những câu cuối đã bộc lộ rõ tâm trạng mong ngóng được vua tin dùng, mời ra. Khi nói quá nhiều về sự bất cần, về cái thanh cao của đời sống nhàn ản, chính là bởi trong lòng Nguyễn Trãi bị chi phối quá mạnh bởi những ản ức của cái ngược lại: công danh, sự nghiệp, đô hội, triều quan...

Cảm hứng đề cao sự thanh cao là một cảm hứng cao quý nhưng cũng có phần nhàm chán. Ta thấy Nguyễn Trãi viết nhiều về phẩm chất, khí tiết của người sĩ quân tử. Nhưng ta biết ông không nhằm mục đích đề cao nó mà nhằm mục đích tự động viên, tự giải tỏa, tự an ủi cho số phận chẳng ra gì của mình trong những

hoàn cảnh khó khăn. Rõ ràng, ở đây có việc giữ phẩm chất cao đẹp cho riêng mình, là “độc thiện kỳ thân”, nhưng cũng bộc lộ cái bất lực của ông trước hoàn cảnh, trước cuộc đời. Đứng ở một góc độ nào đó, ông không làm chủ được hoàn cảnh, được số phận của mình.

Ông muốn giữ cho mình thanh cao trong sạch, hay ông tự an ủi mình bằng sự thanh cao trong sạch? Nhưng giữ là giữ vậy thôi, là giữ bằng lý trí, bằng ý thức, còn tình cảm của ông thì không phải lúc nào cũng thoả mãn với những gì mà lý trí của ông chỉ bảo. Vì thế, thơ ông mới có nhiều bài buồn, nhiều câu buồn, thậm chí thất vọng, tuyệt vọng đến chán nản, bất cần:

Sự thể dữ lành ai hỏi đến,
Bảo rằng ông đã điếc hai tai.

(Bài 6)

Danh chẳng chác, lộc chẳng cầu,
Được ắt chẳng mừng, mất chẳng âu.

(Bài 121)

Có người bảo con người như ông không thể có tư tưởng hư vô được. Một người anh hùng như thế thì trong hoàn cảnh nào cũng phải lạc quan yêu đời, cũng phải chiến thắng hoàn cảnh. Có thể có con người như thế, nhưng đó chỉ có thể là con người của lý thuyết, con người thánh nhân. Và con người thánh nhân Nguyễn Trãi có thể là thế, lúc nào cũng lạc quan yêu đời. *Quân trung từ mệnh*, *Đại cáo bình Ngô*, *Chí Linh sơn phú*, nhiều bài thơ chữ Hán, một số bài thơ chữ Nôm... đã góp phần khắc họa con người thánh nhân Nguyễn Trãi. Nhưng con người trần thế Nguyễn Trãi không như thế. *Quốc âm thi tập* chủ yếu là

khắc họa, hay bộc lộ con người trần thế Nguyễn Trãi, với bao tâm trạng đau đớn trải qua bao hoàn cảnh khó khăn, bế tắc. Hơn nữa, *Quốc âm thi tập* không phải viết ra để cho mọi người đọc, mà chỉ để cho riêng ông, nên nó là tiếng nói sâu thẳm của lòng ông, thành thật và đầy cảm xúc. Có người nói *Côn Sơn ca* của ông có tư tưởng hư vô. Chúng ta thấy trong *Quốc âm thi tập* cũng có những tiếng nói đồng điệu với *Côn sơn ca*, hư vô và tuyệt vọng.

Nhưng có lẽ chính vì thế mà chúng ta thấy Nguyễn Trãi gần gũi hơn, thân thiết hơn, hiện thực hơn, và đáng yêu đáng quý hơn. Xã hội còn những điều tàn nhẫn, phũ phàng như thế làm sao có thể là một “đất nước tươi vui” được, làm sao tâm hồn Nguyễn Trãi thanh thản, sung sướng được? Và ta hiểu vì sao thơ *Quốc âm thi tập* lại đau đớn, buồn khổ, tủi cực và cô độc đến như vậy. Nhờ *Quốc âm thi tập*, chúng ta có thể hình dung một cách gần gũi và hiện thực hơn về một chân dung khác của người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi, và về một hiện thực khác của non sông đất nước thời kỳ này.

Xuân Diệu rất chú ý đến mái tóc bạc và con mắt xanh của Nguyễn Trãi, và ông lý giải chủ yếu là vì Nguyễn Trãi lo nghĩ cho dân cho nước. Điều đó có. Nhưng theo chúng tôi, có lẽ Nguyễn Trãi xanh mắt, bạc tóc còn là vì khổ đau trước *cuộc đời đen tối và phũ phàng*. Dường như điều này lâu nay không được chúng ta thừa nhận, hay chí ít đã không được chúng ta chú ý đúng mức. Hình như chúng ta chưa thấy hết được cái sức tàn phá ghê gớm của cuộc sống không mấy tốt đẹp lúc bấy giờ đã khiến cho một

người anh hùng dân tộc phải trở thành một kẻ lánh đời, một kẻ “già lủ”, xuềnh xoàng nhếch nhác, thậm chí bất cần như thế. Hình như chúng ta cũng chưa thấy hết được *sức mạnh phê phán của tập thơ đối với thực tại lúc bấy giờ trong việc huỷ hoại tâm hồn và nhân cách con người ghê gớm đến như thế*. Hình như chúng ta chưa thấy hết được *giá trị phản biện xã hội như là một mặt của tinh thần nhân văn* trong tác phẩm.

Chúng ta cần chú ý đến cái hậu quả mà cuộc đời đem đến cho nhà thơ. Nguyễn Trãi không hề giấu giếm những sự khổ đau, nghèo đói khiến cho thân hình ông tiều tụy. “No nước uống thiếu cơm ăn” là chuyện ông không nói chơi. Ông là người đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam tự miêu tả hình hài con người và cuộc sống hàng ngày của mình với những nét xuềnh xoàng, vụng về, thậm chí nhếch nhác đến suồng sã:

Vừa sáu mươi dư tám chín thu,
Lưng gày da sỉ tướng lù khù.

(Bài 15)

Bít bả hài gai khăn cóc
Xuềnh xoàng làm mấy đứa thôn nhân.

(Bài 33)

Ngủ tênh hênh, nằm cửa trúc,
Say lếu thểu, đứng đường thông.

(Bài 61)

Quốc âm thi tập là một tập thơ cô đơn. Một tâm trạng cô đơn và cô độc đến cùng cực. Ông càng gần gũi thân thiết với trăng hoa mây núi, với cái quýt chè, thằng chài, con am, con lều mọn mọn... thì ông càng xa lạ với đám quan trường bon chen, tranh giành quyền lợi, với cái *cuộc đời* mà ông vừa góp phần tạo dựng

lên, nhưng nay không còn có chỗ cho ông. Ông không chỉ “cô đơn tuyệt đối giữa các đại thân như thế” mà ông còn cô đơn tuyệt đối với cả thời đại ông. *Quốc âm thi tập là một tập thơ buồn*. Nó hay bởi nỗi buồn ấy. Trong cái thế giới *con người* và *cuộc đời* đen bạc ấy, lời thơ không buồn mới là điều lạ ⁽⁵⁾. Tuy ta thấy Nguyễn Trãi thất vọng chán chường, cô đơn đau khổ, nhưng nỗi buồn của Nguyễn Trãi luôn trong cảm hứng tôn vinh giá trị, khẳng định nhân cách, trong cảm hứng phán xét và đòi hỏi. *Quốc âm thi tập là một tập thơ chứa đầy mâu thuẫn*. Mâu thuẫn về hay ở, nhập thế hay xuất thế, an phận hay dấn thân, cam chịu hay vùng vẫy, tin tưởng hay hoài nghi... Vì thế, ta có cảm giác, nhiều lúc Nguyễn Trãi cũng mất lòng tin, mất tự chủ, mất phương hướng, nhiều lúc Nguyễn Trãi cũng buông xuôi, lãng quên và cam chịu. Nỗi buồn của Nguyễn Trãi thấm dẫm trong từng bài thơ, từng câu thơ. Ông buồn vì nhân tình thế thái, vì tình người tình đời. Nhưng cũng có những câu thơ buồn vì riêng ông, cho riêng ông, của riêng ông, một nỗi buồn có cả xót xa tủi cực về cái ấm lạnh của riêng mình:

Loàn đản ướm hỏi khách lâu hồng,
Đầm ấm thì thương kẻ lạnh lòng?
Ngoài ấy dầu còn áo lẻ,
Cả lòng mượn đắp lấy hơi cùng.

(Bài 208)

⁽⁵⁾ Điều này cũng thể hiện rõ trong thơ chữ Hán của ông, như nhận xét của Trương Chính: “Từ năm 1428 cho đến khi về nghỉ hẳn ở Côn Sơn... Nhưng tiếp theo đều là thơ buồn” “Có vui cũng chỉ là vui trong chốc lát. Những suy tư ấy cũng là những suy tư chúng ta gặp trong thơ quốc âm của ông...” (“Úc trai thi tập”, những vần thơ chất nặng suy tư. In trong: Nguyễn Trãi, *khí phách và tinh hoa của dân tộc*, Sđd, tr. 282, 292)

Tập thơ khép lại nhưng tâm hồn Nguyễn Trãi vẫn không khép lại. Và trong màn đêm đang buông xuống, ta thấy con thuyền của Nguyễn Trãi vẫn còn bơ vơ không nơi neo đậu, vẫn cố kiếm tìm một chốn để về, nhưng biết về đâu:

Thuyền mọn còn chèo chẳng khúng đờ,
Trời ban tối ước về đâu?

(Bài 14)

Quốc âm thi tập bộc lộ một cách phong phú và sâu sắc nhiều cung bậc tình cảm của Nguyễn Trãi, với nhiều cung bậc của âm thanh giọng điệu. Tập thơ chứa chất đầy tâm sự, có cái tươi vui phấn chấn lạc quan tin tưởng, nhưng có lẽ phần lớn là buồn bã thất vọng chán chường. Trong những vần thơ ấy, chúng ta thấy có sự kiêu ngạo, có sự vùng vằng, giận dữ, có sự bất cần, có hy vọng và tuyệt vọng, chờ đợi trông mong, tin tưởng hoài nghi, cô đơn sâu muộn, buồn tủi, khổ sở, oán thán, kêu than, có sự tự giới, tự nhủ, tự động viên để vượt qua hoàn cảnh khắc nghiệt... Có thể nói, đây là một tập thơ có nhiều giọng nói, một tập thơ đa thanh. Có tiếng nói chính thống và phi chính thống, có tiếng nói công dân và tiếng nói cá nhân... chúng đối thoại với nhau, có khi gay gắt. Tiếng nói “công dân”, quan phương, chính thống nhiều khi khá cao giọng, âm điệu khá tươi tắn sáng sủa, nhưng xét cả tập thơ thì tiếng nói “cá nhân”, tiếng nói riêng, phi chính thống vẫn chiếm ưu thế. Vì thế mà âm thanh các bài thơ tuy réo rắt, nhiều âm điệu, nhưng phần lớn lại là những âm thanh buồn, nhiều khi lạnh lẽo, hoang vắng. Đó chính là những biểu hiện của cái *bi kịch* trong thơ Nguyễn Trãi.

Rơi vào bi kịch, mặc nhiên Nguyễn Trãi là một con người thất bại. Thơ Nôm Nguyễn Trãi chủ yếu nói lên tâm trạng của con người thất bại, bế tắc và tuyệt vọng. Mọi cung bậc tình cảm trong *Quốc âm thi tập* chủ yếu được quy chiếu vào tâm trạng thất bại này. Lần đầu tiên tâm trạng và số phận *con người thất bại* được khắc họa rõ nét như thế trong thơ Nôm. Đây là lý do khiến cho thơ Nguyễn Trãi hấp dẫn. Nỗi lo đời và nỗi cô đơn là tâm trạng khá phổ biến trong thơ, nhưng nỗi lo đời và nỗi cô đơn của người thất bại được trình bày với những dẫn vật và tuyệt vọng như Nguyễn Trãi, thì là lần đầu tiên trong văn học.

Những điều nêu trên đưa chúng ta đến một kết quả đánh giá có tính khách quan rằng, một trong những chủ đề chính của *Quốc âm thi tập* là phản ánh tấn bi kịch của con người. Nhưng vì Nguyễn Trãi không phải chỉ là một con người bình thường, mà còn là một con người đặc biệt, đó là người trí thức tiêu biểu nhất của thời đại ấy, nên tấn bi kịch trong tác phẩm chính là tấn bi kịch của người người trí thức. *Quốc âm thi tập* là tác phẩm đầu tiên phản ánh tấn bi kịch của người trí thức Việt Nam trong thời phong kiến. Tấn bi kịch này như một tất yếu dẫn đến cái kết cục bi thảm của vụ án “Lệ Chi viên” diễn ra trong một thời kỳ được xem là “vàng son” của chế độ phong kiến đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của giới nghiên cứu. Nhiều người đã cố gắng đi tìm lời giải đáp cho nguyên nhân của tấn bi kịch này. Có người lý giải rằng đó dường như là một thứ “định mệnh”: “Là trí thức, đó là niềm vinh dự và đó cũng là nỗi khổ đau đã theo đuổi Nguyễn Trãi suốt cuộc đời” [6, tr.65].

Nhưng từ toàn bộ nội dung tác phẩm, từ hiện thực lịch sử và từ chính cuộc đời Nguyễn Trãi⁽⁶⁾, chúng ta thấy, tấn bi kịch của người trí thức Nguyễn Trãi có căn nguyên cụ thể của nó. Có người xem đó là kết quả tất yếu của mối “xung đột giữa hai định hướng văn hoá”, một bên “là những đại biểu xuất sắc của các vùng văn vật” (như Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn, Phạm Văn Xảo...) “theo định hướng Nho giáo hoá” và một bên là “các đại thần - võ tướng là người Mường, hoặc người Việt nhưng sinh ra và lớn lên ở vùng chưa có truyền thống văn vật lâu đời”[5, tr.250]. Bởi vì, như giải thích của một nhà nghiên cứu khác, “không có ai, trong đám võ tướng đó, am hiểu công việc quản lý nhà nước nên các công việc hành chánh, ngoại giao, tổ chức triều đình và các lộ mới lấy lại đều giao cả cho ông”[4, tr.88], nên Nguyễn Trãi trở thành đối tượng của mọi sự đố kỵ, ganh ghét, dèm pha, thậm chí hãm hại là điều

⁽⁶⁾ Bài viết này chủ yếu nói tới những nội dung được phản ánh trong Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi để nhằm mục đích tìm hiểu thái độ thẩm mỹ của Nguyễn Trãi trong tập thơ này. Đây là những cảm nhận chủ quan của nhà thơ trước “hiện thực lịch sử”, có ý nghĩa bộc lộ thái độ thẩm mỹ nhà thơ đối với cuộc sống, chứ không phải là bản thân cuộc sống. Độc giả có thể thấy được một phần sự thật của bản thân cuộc sống đen tối lúc đó là cơ sở cho thái độ thẩm mỹ của Nguyễn Trãi trong tập thơ, được ghi lại ít nhiều trong các bộ sử như Đại Việt sử ký toàn thư của Quốc sử quán triều Lê, Việt sử thông giám cương mục của Quốc sử quán triều Nguyễn hay Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn... Ví dụ, sách Cương mục viết: Tháng 4 Kỷ Dậu [1429], dù đã về hưu, [Trần Nguyên] Hãn bị giết (XV:20, l:852-853). Tháng 11 Canh Tuất [1431], giết Thái úy Lê [Phạm Văn] Xảo (XV:27, l:861). 1434 [Giáp Dần], Lê Thái Tông lại mời [Nguyễn Trãi] ra làm quan Đại Hành Khiển. Nhưng đụng chạm với Lê Sát, Lê Vấn cùng bọn Nội mật viện Nguyễn Thúc Huệ, Học sĩ Lê Cảnh Xước (XVI:10-12; l:877-878). Tháng 6 Đinh Tị [1437], Thái Tông dùng Lê Khả phế Lê Sát, rồi giết đi (XVII:6-8; l:909-910, 911-912). Sau lại giết Lê Ngán, người từng bênh vực Lê Sát (XVII:14-15; l:918-919). Ua dùng hoạn quan Lương Đăng... Nguyễn Trãi can gián không được (XVII:10-14; l:914-918)...

chúng ta có thể hiểu được. Nằm trong định hướng đề cao vai trò của văn hoá Nho giáo, có nhà nghiên cứu khẳng định rất quả quyết, đó là “mâu thuẫn giữa các Nho sĩ với toàn thể quan liêu còn lại, kể cả vua”[1, tr.47]. Tuy nhiên, theo chúng tôi, tấn bi kịch của người trí thức Nguyễn Trãi dường như đụng chạm tới một vấn đề rộng lớn hơn vấn đề của văn hoá Nho giáo, bởi ông không chỉ mâu thuẫn với các đại thần, võ tướng người Mường, hoặc người Việt “kém văn hoá” Nho giáo, mà còn mâu thuẫn với cả những người không thể nói là không am hiểu văn hoá Nho giáo (như Học sĩ Lê Cảnh Xước, hoạn quan Lương Đăng...), hay có thể với cả những “tân sĩ phu” Minh Nho (sau hai mươi năm đô hộ của Trung Hoa), cũng như với những nỗ lực đen tối nhằm “thánh hoá” ngôi vua của chính “đấng chí tôn” và đám triều thần hãnh tiến, cùng cái “thối đời” “được chim bẻ ná, được cá quăng câu” của những kẻ thống trị đầu chỉ một thời này... Theo chúng tôi, thông qua việc phản ánh mối xung đột với những biểu hiện xấu xa của lòng người và thói đời cụ thể trong tác phẩm, Nguyễn Trãi muốn trình bày bằng nghệ thuật một mối xung đột mới trong thời đại ông, đó là mối xung đột giữa “trí thức” và “phản trí thức”, nảy sinh dưới một vương triều xuất thân ít nhiều “phi trí thức”, được xác lập trên những truyền thống văn hoá ít nhiều “phi trí thức”, trong chủ trương trọng dụng một đội ngũ quý tộc, tướng lĩnh, quan lại ít nhiều “phi trí thức”, và thực hành một đường lối chính trị cũng ít nhiều “phi trí thức”... Tấn bi kịch và mối xung đột này lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử, và lần đầu tiên được thể

hiện một cách nghệ thuật trong tập thơ *Nôm* còn lại đầu tiên này, càng làm cho tập thơ có thêm những giá trị to lớn trong lịch sử văn học ⁽⁷⁾.

Thơ *Nôm* Nguyễn Trãi chủ yếu được sáng tác trong những năm cuối đời, sau khi ông “cáo lão hồi hưu”. Một sự “cáo lão hồi hưu” không phải vì “công thành nhi thân thoái”, có thể có chút ít gợn hững từ tư tưởng Lão Trang hay Phật giáo, nhưng nguyên nhân chính là sự thất vọng đối với chế độ đương thời. Quốc âm thi tập thể hiện khá sâu sắc và chân thực thái độ, tình cảm, tâm trạng của Nguyễn Trãi chủ yếu trong những hoàn cảnh vô cùng khó ngặt của cuộc đời ông lúc bấy giờ. Trước hiện thực của cuộc đời và lòng người đen tối, đầy chông gai và hiểm hóc, Nguyễn Trãi đã bộc lộ rất rõ tâm trạng đau buồn, cô độc và thất vọng của mình. Thế thì sao có thể nói rằng thơ ông “là thơ của một người yêu đời, yêu

người”, sao có thể nói rằng non sông đất nước đó là một “non sông đất nước tươi vui” và “tâm hồn Nguyễn Trãi sống một nhịp với non sông đất nước tươi vui” ấy? Nguyễn Trãi đã bị đẩy ra ngoài cuộc đời ấy, hay ông không muốn nhập cuộc với cuộc đời ấy, với những con người ấy, khi mà ông thấy rất rõ cái “chính thức xã hội” đang thay thế cái “xã hội chính thức” ngự trị cuộc đời.

Nhưng như một nghịch lý, thơ *Quốc âm thi tập* càng buồn bao nhiêu, càng cô đơn bao nhiêu, càng lạnh giá bao nhiêu, càng tuyệt vọng bao nhiêu thì lại như càng hàm chứa bấy nhiêu nỗi khát khao, niềm hy vọng, những ước mơ cháy bỏng về con người và cuộc đời tươi đẹp, nồng ấm, nhân tình. Trong nỗi buồn đau, Nguyễn Trãi xây đắp nên những giấc mơ đẹp cho tâm hồn mình, và vì thế mà nó cũng là giấc mơ đẹp cho tâm hồn con người cả một thời đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hồng Phong, Thời đại Nguyễn Trãi. In trong: *Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc*, NXB Khoa học xã hội, H., 1980, tr. 47.
2. Nguyễn Huệ Chi, Niềm thao thức lớn trong thơ Nguyễn Trãi, In trong: *Mấy vấn đề về sự nghiệp và thơ văn Nguyễn Trãi*, NXB Khoa học xã hội, H. 1963.
3. *Nguyễn Trãi toàn tập*, Đào Duy Anh, Trần Văn Giáp, Văn Tân dịch, phiên âm, chú giải, NXB Khoa học xã hội, H., 1976.
4. Trần Đình Hượu, Nguyễn Trãi và Nho giáo, In trong: *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, NXB Văn hoá thông tin, H., 1995, tr. 91.
5. Trần Ngọc Vương, Thời đại Nguyễn Trãi, In trong: *Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc*, NXB Khoa học xã hội, H., 1980.

⁽⁷⁾ Bi kịch cuộc đời Nguyễn Trãi không tách rời những mối xung đột triều chính trong thời đại ông. Nhưng trong bài viết này, chúng tôi chỉ bàn đến vấn đề tấn bi kịch của người trí thức được biểu hiện trong thơ ca của ông và góp phần lý giải căn nguyên của nó, mục đích là nhằm nhận thức lại thái độ thẩm mĩ của Nguyễn Trãi trong tập thơ, tức là thái độ thẩm mĩ của ông đối với cuộc sống lúc đó, chứ không nhằm mục đích lý giải căn nguyên của những bi kịch cá nhân cụ thể, những xung đột triều chính hay những vấn đề lịch sử cụ thể khác.

6. Vũ Khiêu, Người trí thức của dân tộc anh hùng, In trong: *Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc*, NXB Khoa học xã hội, H., 1980, tr. 65.
7. Xuân Diệu, “Quốc âm thi tập”, tác phẩm mở đầu nền thơ cổ điển Việt Nam. In trong: *Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc*, NXB Khoa học xã hội, H., 1980, tr. 244.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T.XXIII, N_o1, 2007

TO THINK OUT AGAIN NGUYEN TRAI'S AESTHETIC POSITION IN THE “QUOC AM THI TAP”

(ANTHOLOGY OF POEMS IN NATIONAL LANGUAGE)

Assoc.Prof. Dr. Nguyen Pham Hung

College of Social Sciences and Humanities, VNU

Earlier, certain people held that “the whole of Nguyen Trai’s anthology of poems was an anthology of a person full of optimism and humanity”, hence “Nguyen Trai’s soul rhymed with his happy country”.

The article raises the question about the necessity of having a second think about Nguyen Trai’s aesthetic position in regard to man and life at that time. With an analysis of the author’s artistic inspiration apparent in the collection of poems, the article shows that, although there are certain verses that have voiced a mood full of optimism and kindheartedness, and that have brought out the image of “a happy country”, nevertheless the most part of the poems has revealed the poet’s frame of mind characterized by loneliness, sadness, disappointment and repugnance while the poet was facing extremely difficult circumstances of existence, confronting the injustices in society, and leading a life in a “natural environment” in his native land that was rather chilly, deserted, finding himself surrounded by those people full of underhand tricks and ill intentions. This is a collection of poems reflecting most faithfully and penetratingly the mood of an individual person living in a sad period of the country full of turmoil in the wake of a war, at the beginning of the 15th century.

However, the greater the loneliness, chilliness and disappointment, the collection of poems is all the more permeated with the poet’s intensive thirst for, hope of and dreaming of the happy, warm and kind man and life. While having grievances, Nguyen Trai wished to foster, for the good of his soul, beautiful dreams that were also beautiful dreams for the soul of man at that time. This is the very reason that has led to Nguyen Trai’s soul to be always “pure and full of vitality”, to always “rhyme well with his own country”.